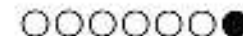




Mã nhận dạng 03042



Trang 1/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 001_DH15CC_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2017

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

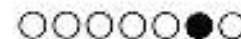
Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118078	Trịnh Quốc Bảo	DH13CK	✓						0012345678910	0123456789
2	13118081	Trần Thế Bình	DH13CC			0	0	3.25	2.0	0012345678910	0123456789
3	15153007	Lê Công Danh	DH15CD			10	7	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
4	15154073	Dương Võ Duy	DH15OT			10	6	6	6.8	0012345678910	0123456789
5	13153054	Lâm Thái Duy	DH13CD			10	7	9	8.8	0012345678910	0123456789
6	12154059	Nguyễn Hoàng Duy	DH12OT	✓						0012345678910	0123456789
7	15153013	Nguyễn Trường Duy	DH15CD			10	7	6.5	7.3	0012345678910	0123456789
8	13118105	Trần Tùng Dương	DH13CK	✓						0012345678910	0123456789
9	15118014	Châu Tấn Đạt	DH15CK			10	8	5.5	6.9	0012345678910	0123456789
10	15153008	Lê Bá Tiến Đạt	DH15CD			10	6.5	5.5	6.6	0012345678910	0123456789
11	13153078	Trương Công Định	DH13CD			10	7	6.75	7.5	0012345678910	0123456789
12	15153012	Huỳnh Đức	DH15CD			10	7	7.75	8.1	0012345678910	0123456789
13	15153016	Sân Thanh Hải	DH15CD			10	6.5	5	6.3	0012345678910	0123456789
14	15118030	Nguyễn Ngọc Hân	DH15CC	✓						0012345678910	0123456789
15	15118032	Ngô Đại Hiệp	DH15CK			10	6	5.5	6.5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03042



Trang 2/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 001_DHI5CC_03

Số Tín Ch: 2

Ngày Thi 07/06/2017

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

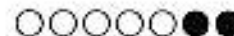
Lớp DHI2CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	12153168	Phan Phụng Hiệp	DHI2CD			10	7.5	6.5	7.4	0012345678910	0123456789
17	15118036	Nguyễn Trọng Hiền	DHI5CK			10	7.5	7	7.7	0012345678910	0123456789
18	15118033	Đào Trung Hiền	DHI5CC			7.5	6.5	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
19	15118035	Nguyễn Xuân Hiền	DHI5CK			10	7	5.5	6.7	0012345678910	0123456789
20	15118041	Đỗ Quang Huy	DHI5CK			10	7.5	9	8.9	0012345678910	0123456789
21	15153027	Nguyễn Đức Huy	DHI5CD			10	7.5	8	8.3	0012345678910	0123456789
22	15118044	Huỳnh Quốc Khanh	DHI5CC			10	7	5.5	6.7	0012345678910	0123456789
23	15153029	Phạm Duy Khánh	DHI5CD			10	9	6.25	7.6	0012345678910	0123456789
24	15153030	Hoàng Văn Kỳ	DHI5CD			10	7	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
25	15118059	Trương Minh Luân	DHI5CC			10	7.5	7	7.7	0012345678910	0123456789
26	12153179	Đinh Quang Lương	DHI2CD			7.5	8	5.75	6.6	0012345678910	0123456789
27	15118064	Nguyễn Đức Minh	DHI5CC			10	6	7	7.4	0012345678910	0123456789
28	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DHI5CC			10	7	5	6.4	0012345678910	0123456789
29	15118069	Võ Văn Nam	DHI5CK			10	6	6	6.8	0012345678910	0123456789
30	15118070	Lý Nghệ	DHI5CK			10	7.5	6	7.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03042



Trang 3/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 001_DH15CC_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2017

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

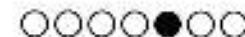
Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trung 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	14118044	Cao Hữu Nhân	DH14CK			10	3,5	7	6,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	15154037	Huỳnh Trọng	DH15OT			10	7	8,5	8,5	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	15118077	Nguyễn Minh	DH15CC			10	2,5	8,5	8,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	15153047	Mai Tấn Phát	DH15CD			10	9	7,25	8,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	15118079	Nguyễn Thanh	DH15CC			10	7,5	9,5	9,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	15118080	Lê Nguyễn Vinh	DH15CK			7,5	7	5,5	6,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
37	15153049	Thân Trọng	DH15CD			2,5	2,5	5,5	6,3	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	15118083	Vũ Hải	DH15CK			10	7,5	6	7,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	15118085	Vô Văn	DH15CC							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	15118089	Lê Văn	DH15CK			10	8	7,5	8,1	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	15118090	Huỳnh Quốc	DH15CK			10	8,5	6,5	7,6	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	15118091	Phạm Tấn	DH15CC			10	8,5	7,5	8,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	15118092	Bùi Trí	DH15CK			10	8	6	7,2	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	13153022	Nguyễn Hữu	DH15CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	15118094	Nguyễn Đoàn	DH15CK			7,5	7,5	6,5	6,9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 03042



Trang 4/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 001_DH15CC_03

Số Tin Ch 2

Ngày Thi 07/06/2017

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	14153050	Nguyễn Phú Thịnh	DH14CD			10	7,5	6,75	7,6	0012345678910	0123456789
47	15118102	Phạm Văn Thịnh	DH15CK			10	8	7,5	8,1	0012345678910	0123456789
48	15153064	Nguyễn Hiếu Thuận	DH15CD			10	8,5	6,5	7,6	0012345678910	0123456789
49	12138099	Nguyễn Đình Thy	DH12TD	✓						0012345678910	0123456789
50	15118105	Nguyễn Hồng Tiến	DH15CC			10	8,5	9	9,1	0012345678910	0123456789
51	15118106	Trần Trung Tin	DH15CK			10	8,5	6,5	7,6	0012345678910	0123456789
52	13138220	Trương Tấn Tinh	DH13TD			10	8	6,5	7,5	0012345678910	0123456789
53	15118108	Lê Trung Tinh	DH15CC			10	8,5	7,5	8,2	0012345678910	0123456789
54	12154198	Nguyễn Văn Toàn	DH12OT			5	7,5	2,5	7,0	0012345678910	0123456789
55	15118110	Vũ Công Toàn	DH15CK			10	9	6	7,4	0012345678910	0123456789
56	15118115	Võ Minh Trí	DH15CK			10	5	6,5	6,9	0012345678910	0123456789
57	15118118	Nguyễn Bảo Trọng	DH15CC			10	8	5,5	6,9	0012345678910	0123456789
58	15118125	Hồ Minh Tuấn	DH15CK			10	9	9,5	9,5	0012345678910	0123456789
59	13153255	Lê Ngọc Triệu Tuấn	DH13CD			10	6	5,25	6,7	0012345678910	0123456789
60	13153026	Phạm Lâm Anh Tuấn	DH13CD			10	7,5	6	7,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 03042



Trang 5/5

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn Học/Nhóm Cơ lưu chất (207202) - 001_DH15CC_03

Số Tín Ch 2

Ngày Thi 07/06/2017

Giờ Thi: 09:30

Phòng Thi TV103

Giảng viên: Bùi Ngọc Hùng

Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
61	14153060	Nguyễn Công	Tường	DH14CD		10	8.5	7	7.9	0012345678910	0123456789
62	15118131	Dương Quốc	Việt	DH15CK		10	6	6	6.8	0012345678910	0123456789
63	13138021	Trần Thanh	Vinh	DH13TD		10	8	7	7.8	0012345678910	0123456789
64	15118133	Dặng Hoàng	Vũ	DH15CK		10	9	3.25	7.0	0012345678910	0123456789
65	15118135	Bùi Nhật	Vương	DH15CC		10	7.5	8.5	8.6	0012345678910	0123456789
66	13153280	Lương Trung	Vượng	DH13CD		2.5	0	5.5	3.8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi: 59 Số sinh viên vắng: 7

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

 Nguyễn Ngọc Mạnh

 Lê Văn Tiến

 TS. Bùi Ngọc Hùng

 TS. Bùi Ngọc Hùng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207226) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118080	Nguyễn Phúc Bạo	DH13CC						9,1	○○○12345678●○○	○●23456789
2	13118101	Đoàn Quốc Dũng	DH13CC						8,5	○○○1234567●9○○	○1234●6789
3	13118096	Mai Thánh Duy	DH13CC						7,5	○○○123456●89○○	○1234●6789
4	13118100	Trịnh Nguyễn Minh Duy	DH13CC						8,2	○○○1234567●9○○	○1●3456789
5	13118120	Trần Cư Được	DH13CC						8,7	○○○1234567●9○○	○123456●89
6	13118126	Lê Xuân Hà	DH13CC						8,0	○○○1234567●9○○	●123456789
7	13118138	Nguyễn Văn Hiếu	DH13CC						8,1	○○○1234567●9○○	○●23456789
8	13118152	Bùi Văn Hợi	DH13CC						8,3	○○○1234567●9○○	○12●456789
9	13118162	Huỳnh Đức Hùng	DH13CC						8,2	○○○1234567●9○○	○1●3456789
10	13118170	Huỳnh Minh Kha	DH13CC						9,6	○○○12345678●○○	○12345●6789
11	13118183	Trương Nhưt Khánh	DH13CC						8,2	○○○1234567●9○○	○1●3456789
12	13118190	Trần Văn La	DH13CC						9,6	○○○12345678●○○	○12345●6789
13	13118194	Lê Hoàng Lễ	DH13CC						8,7	○○○1234567●9○○	○123456●789
14	13118026	Nguyễn Hoàng Linh	DH13CC						9,1	○○○12345678●○○	○●23456789
15	13118202	Nguyễn Tấn Lộc	DH13CC						8,7	○○○1234567●9○○	○123456●789
16	13118203	Nguyễn Hữu Lợi	DH13CC						8,6	○○○1234567●9○○	○12345●6789
17	13118220	Nguyễn Ngọc Nguyên	DH13CC						8,6	○○○1234567●9○○	○12345●6789
18	13118236	Dặng Đình Phó	DH13CC						8,7	○○○1234567●9○○	○123456●789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207226) - 01

CBGD: ()

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13118238	Hà Thanh Phương	DH13CC						8,4	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	13118043	Ngô Thành Quốc	DH13CC						8,8	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	13118257	Vũ Tuấn Sơn	DH13CC						8,5	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	13118260	Lê Nguyễn Thành Tài	DH13CC						8,7	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
23	13118266	Huỳnh Thanh Tâm	DH13CC						8,0	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
24	13118267	Trương Minh Tâm	DH13CC						8,2	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	13118278	Huỳnh Ngọc Thạch	DH13CC						8,2	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
26	13118052	Cao Ngọc Thiện	DH13CC						8,2	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
27	13118053	Trần Thế Thiện	DH13CC						8,5	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	13118284	Lâm Văn Thiệt	DH13CC						8,3	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
29	13118365	Trần Văn Tjah	DH13CC						8,7	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
30	13118318	Nguyễn Đức Trung	DH13CC						8,8	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
31	13118323	Bùi Văn Truyền	DH13CC						8,1	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
32	13118061	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC						8,1	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
33	13118334	Nguyễn Duy Tuấn	DH13CC						8,6	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
34	13118342	Nguyễn Xuân Tùng	DH13CC						8,2	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
35	13118063	Lê Văn Tựu	DH13CC						8,1	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
36	13118349	Dương Đức Vinh	DH13CC						7,3	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Khóa luận tốt nghiệp (207226) - 01

CBGD: 0

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	13118066	Nguyễn Thế Vũ	DH13CC						6,8	○●①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
38	13118360	Đào Thị Hải Yến	DH13CC						9,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vãng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cân hồ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi:

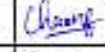
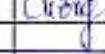
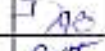
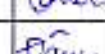
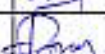
Cán bộ chấm thi 2

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập nhà máy (207521) - 01

CBGD: Cao Đức Lợi (1031)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14138037	Hồ Mạnh A	DH14TD					7,3	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13138027	Bùi Minh Bảo	DH13TD							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13138029	Ngô Thế Chung	DH13TD					3,4	3,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14138036	Nguyễn Hữu Nguyên Chương	DH14TD					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13138030	Trần Huy Chương	DH13TD					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	13138031	Lê Bá Công	DH13TD					9,2	9,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	13138033	Dương Minh Cương	DH13TD					9,2	9,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14138002	Nguyễn Mạnh Cường	DH14TD					8,3	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14138003	Võng Cường	DH14TD							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14138042	Tô Đình Dân	DH14TD					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13138001	Hoàng Văn Dũng	DH13TD							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13138042	Quách Đình Dũng	DH13TD					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13138002	Trương Quang Đại	DH13TD					8,2	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14138007	Sầm Văn Đạo	DH14TD					7	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14138045	Nguyễn Thành Đạt	DH14TD					7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	13138047	Ngô Việt Định	DH13TD					8,8	8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14138047	Lương Hồng Đông	DH14TD					7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14138008	Lê Văn Đồng	DH14TD					8,2	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

CBGD: Cao Đức Lợi (1031)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm tẽ
19	13138003	Lương Đình Đồng	DH13TD					9,4	9,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	14138009	Hoàng Văn Anh Đức	DH14TD					7,8	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13138050	Hồ Anh Đức	DH13TD					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	13138051	Ngô Lộc Trường Đức	DH13TD					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13138052	Tô Minh Đức	DH13TD					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	13138054	Tổng Thị Thu Hà	DH13TD					9,5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13138058	Cao Xuân Hải	DH13TD					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	14138048	Nguyễn Hữu Hải	DH14TD					7,7	7,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	13138060	Phan Hồng Hải	DH13TD					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	13138061	Trần Minh Hải	DH13TD					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13138067	Nguyễn Trung Hậu	DH13TD					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13138068	Hoàng Minh Hiếu	DH13TD					8,4	8,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	14138051	Lê Văn Hiếu	DH14TD					8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	13138261	Nguyễn Trung Hiếu	DH13TD					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	13138072	Nguyễn Tự Hiếu	DH13TD					9,2	9,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	13138073	Phạm Trung Hiếu	DH13TD					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	13138080	Huỳnh Lê Phúc Hòa	DH13TD					9,5	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	13138076	Vô Minh Hòa	DH13TD					7,8	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập nhà máy (207521) - 01

CBGD: Cao Đức Lợi (1031)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	13138263	Hạp Tiến Hoàng	DH13TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
38	14138011	Nguyễn Chính Hoàng	DH14TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
39	14138012	Nguyễn Duy Hoàng	DH14TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
40	13138079	Nguyễn Trần Minh Hoàng	DH13TD					9	9	0012345678910	0123456789
41	13138005	Đậu Việt Hùng	DH13TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
42	13138085	Hoàng Thanh Hùng	DH13TD							0012345678910	0123456789
43	13138083	Nguyễn Đức Huy	DH13TD					8,8	8,8	0012345678910	0123456789
44	13138089	Tô Văn Hưng	DH13TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
45	14138056	Vô Thành Hưng	DH14TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
46	13138090	Hà Văn Hưng	DH13TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
47	13138006	Đào Thanh Hữu	DH13TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
48	13138091	Lâm Tấn Kha	DH13TD					8	8	0012345678910	0123456789
49	13138093	Bùi Đức Khả	DH13TD					8,2	8,2	0012345678910	0123456789
50	14138014	Trần Quang Khải	DH14TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
51	14138057	Nguyễn Triệu Khang	DH14TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
52	14138058	Nguyễn Đăng Khoa	DH14TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
53	13138096	Vũ Anh Khoa	DH13TD					8,7	8,7	0012345678910	0123456789
54	14138016	Phạm Đăng Khôi	DH14TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập nhà máy (207521) - 01

CBGD: Cao Đức Lợi (1031)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
55	13138097	Trần Tiến	Khôi	DH13TD	<i>Thi</i>			8,6	8,6	○○○12345678910	0123456789
56	13138098	Vũ Văn	Khương	DH13TD	<i>Thi</i>			8	8	○○○12345678910	0123456789
57	13138099	Cao Hoàng	Lâm	DH13TD	<i>Thi</i>			8	8	○○○12345678910	0123456789
58	14138061	Nguyễn Đỗ Hùng	Lâm	DH14TD	<i>Hùng</i>			7,2	7,2	○○○12345678910	0123456789
59	14138017	Trần Đức	Lâm	DH14TD	<i>Thi</i>			8	8	○○○12345678910	0123456789
60	13138103	Nguyễn Đình	Lâm	DH13TD	<i>Thi</i>			8	8	○○○12345678910	0123456789
61	13138008	Phan Xuân	Liêm	DH13TD	<i>Thi</i>			8,2	8,2	○○○12345678910	0123456789
62	13138108	Lê Quang	Linh	DH13TD	<i>Thi</i>			9	9	○○○12345678910	0123456789
63	13138109	Trần Hoài	Linh	DH13TD	<i>Thi</i>			9	9	○○○12345678910	0123456789
64	14138064	Lê Đình	Long	DH14TD	<i>Thi</i>			7,5	7,5	○○○12345678910	0123456789
65	14138018	Nguyễn Hoàng	Long	DH14TD	<i>Thi</i>			7,8	7,8	○○○12345678910	0123456789
66	13138009	Nguyễn Kim Hải	Long	DH13TD	<i>Thi</i>			9	9	○○○12345678910	0123456789
67	13138112	Dặng Thánh	Lợi	DH13TD	<i>Thi</i>			8	8	○○○12345678910	0123456789
68	14138019	Nguyễn Thành	Luân	DH14TD	<i>Thi</i>			7,2	7,2	○○○12345678910	0123456789
69	13138260	Hoàng Đức	Lương	DH13TD	<i>Thi</i>			8,5	8,5	○○○12345678910	0123456789
70	13138116	Vũ Tấn	Lý	DH13TD	<i>Thi</i>			8	8	○○○12345678910	0123456789
71	13138117	Nguyễn Quốc	Mạnh	DH13TD	<i>Thi</i>			9	9	○○○12345678910	0123456789
72	13138118	Nguyễn Văn	Mến	DH13TD	<i>Thi</i>			8	8	○○○12345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập nhà máy (207521) - 01

CBGD: Cao Đức Lợi (1031)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
73	13138010	Nguyễn Ngọc Nam	DH13TD	Nam				9	9	○○○12345678910	0123456789
74	14138068	Võ Lê Hoài Nam	DH14TD	Nam				9	9	○○○12345678910	0123456789
75	14138070	Lê Thành Nghĩa	DH14TD	N				8	8	○○○12345678910	0123456789
76	13138011	Trần Nhật Nghĩa	DH13TD	Nh				9	9	○○○12345678910	0123456789
77	14138020	Lê Nghiê	DH14TD	Nghiê				8	8	○○○12345678910	0123456789
78	14138071	Nguyễn Thị Kiều Ngoan	DH14TD	Ngoan				7,5	7,5	○○○12345678910	0123456789
79	13138128	Nguyễn Tiến Ngọc	DH13TD	Ngoc				9	9	○○○12345678910	0123456789
80	13138129	Trương Văn Ngọc	DH13TD							○○○12345678910	0123456789
81	14138072	Nguyễn Vũ Nguyễn	DH14TD	Ng				7,7	7,7	○○○12345678910	0123456789
82	14138073	Nguyễn Thành Nhân	DH14TD	Nhan				8	8	○○○12345678910	0123456789
83	14138021	Trần Duy Nhân	DH14TD	Nhan				8	8	○○○12345678910	0123456789
84	13138136	Ninh Quang Nhật	DH13TD	Nh				8	8	○○○12345678910	0123456789
85	13138140	Lê Thị Huỳnh Như	DH13TD	Nhu				9	9	○○○12345678910	0123456789
86	13138141	Nguyễn Huỳnh Nhung	DH13TD	Nhung				8,2	8,2	○○○12345678910	0123456789
87	13138148	Phạm Khánh Phi	DH13TD	Phi						○○○12345678910	0123456789
88	14138022	Bùi Thanh Phong	DH14TD	Ph				7,7	7,7	○○○12345678910	0123456789
89	13138152	Hoàng Xuân Phú	DH13TD	Phu				8,5	8,5	○○○12345678910	0123456789
90	13138153	Huỳnh Hoàng Phú	DH13TD	Phu				8	8	○○○12345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập nhà máy (207521) - 01

CBGD: Cao Đức Lợi (1031)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
91	13138154	Huỳnh Văn Phúc	DH13TD					9,2	9,2	0012345678910	0123456789
92	14138023	Lê Hoàng Phúc	DH14TD					7,7	7,7	0012345678910	0123456789
93	13138157	Nguyễn Hồng Phúc	DH13TD					7	7	0012345678910	0123456789
94	13138163	Phạm Lưu Phước	DH13TD					8,6	8,6	0012345678910	0123456789
95	14138078	Võ Đại Phước	DH14TD					8	8	0012345678910	0123456789
96	14138077	Võ Văn Phương	DH14TD					8	8	0012345678910	0123456789
97	14138026	Nguyễn Thanh Quang	DH14TD					8	8	0012345678910	0123456789
98	13138165	Mãn Hồng Quân	DH13TD					8	8	0012345678910	0123456789
99	13138166	Ngô Nguyễn Minh Quân	DH13TD					8	8	0012345678910	0123456789
100	13138015	Võ Bảo Quốc	DH13TD					9,2	9,2	0012345678910	0123456789
101	13138168	Bùi Công Quyền	DH13TD					8,8	8,8	0012345678910	0123456789
102	13138171	Lê Tuấn Sang	DH13TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
103	13138016	Ngô Tài Sang	DH13TD					8	8	0012345678910	0123456789
104	13138172	Nguyễn Văn Sang	DH13TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
105	13138173	Trần Vũ Sang	DH13TD					8	8	0012345678910	0123456789
106	13138174	Trần Thị Sáng	DH13TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
107	13138175	Bùi Thái Sơn	DH13TD					9	9	0012345678910	0123456789
108	14138083	Nguyễn Hồng Sơn	DH14TD					8	8	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập nhà máy (207521) - 01

CBGD; Cao Đức Lợi (1031)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
109	13138178	Ngô Quốc Sứ	DH13TD					5	5	0012345678910	0123456789
110	14138028	Phan Văn Sỹ	DH14TD					7,5	7,5	0012345678910	0123456789
111	14138085	Lê Hữu Tài	DH14TD					7,8	7,8	0012345678910	0123456789
112	13138181	Phạm Văn Tâm	DH13TD					7,8	7,8	0012345678910	0123456789
113	13138183	Vũ Minh Tâm	DH13TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
114	13138185	Lê Duy Tân	DH13TD					5	5	0012345678910	0123456789
115	13138189	Văn Thành Tân	DH13TD					8,2	8,2	0012345678910	0123456789
116	13138200	Lê Ngọc Thạch	DH13TD					9,2	9,2	0012345678910	0123456789
117	13138192	Phạm Văn Thành	DH13TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
118	13138195	Hà Đình Thành	DH13TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
119	14138088	Nguyễn Đăng Trung	DH14TD					8	8	0012345678910	0123456789
120	13138198	Phan Tiến Thính	DH13TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
121	13138199	Trịnh Việt Thành	DH13TD					8,5	8,5	0012345678910	0123456789
122	14138091	Đương Thanh Thảo	DH14TD					5	5	0012345678910	0123456789
123	13138201	Văn Thiên Thứng	DH13TD							0012345678910	0123456789
124	13138205	Vương Bảo Thế	DH13TD					8	8	0012345678910	0123456789
125	13138206	Nguyễn Hoàng Thi	DH13TD					9,5	9,5	0012345678910	0123456789
126	14138096	Nguyễn Công Thiện	DH14TD					7,8	7,8	0012345678910	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập nhà máy (207521) - 01

CBGD: Cao Đức Lợi (1031)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
127	13138210	Trương Văn Thoại	DH13TD	<i>Thoai</i>				8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
128	14138098	Huỳnh Quốc Thông	DH14TD	<i>Thong</i>				7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
129	13138211	Tổng Trần Thông	DH13TD	<i>Thong</i>				8,8	8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
130	14138031	Tổng Ngọc Anh Thư	DH14TD	<i>Thu</i>				7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
131	14138032	Lâm Văn Tiến	DH14TD	<i>Tien</i>				7,8	7,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
132	13138217	Nguyễn Đức Tiến	DH13TD							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
133	13138219	Hà Tiệp	DH13TD	<i>Tiep</i>				9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
134	14138100	Nguyễn Văn Tinh	DH14TD	<i>Tinh</i>				7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
135	13138220	Trương Tấn Tinh	DH13TD	<i>Tinh</i>				8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
136	14138104	Phan Văn Toàn	DH14TD	<i>Toan</i>				8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
137	13138223	Đinh Quốc Toàn	DH13TD	<i>Toan</i>				8,5	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
138	13138227	Phạm Đình Trang	DH13TD	<i>Trang</i>				7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
139	13138229	Mai Minh Tri	DH13TD	<i>Tri</i>				8,6	8,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
140	14138034	Nguyễn Minh Tri	DH14TD	<i>Tri</i>				8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
141	14138106	Nguyễn Trọng Tri	DH14TD	<i>Tri</i>				8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
142	13138231	Lê Minh Trọng	DH13TD	<i>Trong</i>				9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
143	13138232	Trần Hữu Trọng	DH13TD							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
144	13138018	Nguyễn Thanh Trung	DH13TD	<i>Trung</i>				5	5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Thực tập nhà máy (207521) - 01

CBGD: Cao Đức Lợi (1031)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
145	14138109	Nguyễn Thái Trường	DH14TD					7,5	7,5	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
146	13138248	Nguyễn Thanh Tú	DH13TD					9,2	9,2	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
147	13138238	Ngô Vũ Minh Tuấn	DH13TD					8,5	8,5	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
148	13138240	Phạm Anh Tuấn	DH13TD					8	8	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
149	13138020	Trần Thanh Tuấn	DH13TD					8	8	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
150	14138113	Trịnh Châu Từ	DH14TD					7,8	7,8	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
151	13138249	Nguyễn Khánh Tường	DH13TD							○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
152	13138255	Phùng Anh Vi	DH13TD							○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
153	13138253	Phạm Tiến Việt	DH13TD					8	8	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
154	13138254	Phạm Văn Việt	DH13TD					8,5	8,5	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
155	13138021	Trần Thanh Vĩnh	DH13TD					9,2	9,2	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
156	13138256	Nguyễn Lê Nhật Vũ	DH13TD							○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
157	13138022	Ngô Quốc Vương	DH13TD					8,5	8,5	○ ⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	⑩ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨

Số lượng vắng: 11

Hiện diện: 146

Cán bộ coi thi 1

Cần bổ coi thi 2

Xác nhận của khoa/lĩnh vực

Cán bộ chấm thi I

Cán bộ chấm thi 2

Har
Cao Diu Loi

he can ban

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Hoc kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Đa lập trình điều khiển MT (207532) - 01

CBGD: Cao Đức Lợi (1031)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	14138070	Lê Thánh Nghĩa	DH14TD					9	9	001234567890	0123456789
20	14138020	Lê Nghiêm	DH14TD					7,5	7,5	001234567890	0123456789
21	14138071	Nguyễn Thị Kiều	DH14TD					8	8	001234567890	0123456789
22	14138072	Nguyễn Vũ Nguyên	DH14TD					9	9	001234567890	0123456789
23	14138073	Nguyễn Thành Nhân	DH14TD					9	9	001234567890	0123456789
24	14138022	Bùi Thanh Phong	DH14TD					8	8	001234567890	0123456789
25	14138023	Lê Hoàng Phúc	DH14TD					8	8	001234567890	0123456789
26	14138078	Vô Đại Phước	DH14TD					7,5	7,5	001234567890	0123456789
27	14138077	Vô Văn Phương	DH14TD					7,5	7,5	001234567890	0123456789
28	14138026	Nguyễn Thanh Quang	DH14TD					7,5	7,5	001234567890	0123456789
29	14138027	Phạm Nhật Quang	DH14TD					8	8	001234567890	0123456789
30	14138083	Nguyễn Hồng Sơn	DH14TD					8	8	001234567890	0123456789
31	14138028	Phan Văn Sỹ	DH14TD					8,5	8,5	001234567890	0123456789
32	14138088	Nguyễn Đăng Trung	DH14TD					7,5	7,5	001234567890	0123456789
33	14138096	Nguyễn Công Thiện	DH14TD					8	8	001234567890	0123456789
34	14138098	Huỳnh Quốc Thông	DH14TD					8	8	001234567890	0123456789
35	14138031	Tổng Ngọc Anh Thư	DH14TD					8	8	001234567890	0123456789
36	14138032	Lâm Văn Tiến	DH14TD					7	7	001234567890	0123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: **ĐA lập trình điều khiển MT (207532) - 01**

CBGD: Cao Đức Lợi (1031)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14138037	Hoà Mạnh A	DH14TD							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14138036	Nguyễn Hữu Nguyên	Chương					7,5	7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14138002	Nguyễn Mạnh	Cường					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14138003	Võng	Cường							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14138042	Tô Đình	Dân					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14138007	Sầm Văn	Dạ					7	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14138045	Nguyễn Thành	Dật					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14138047	Lương Hồng	Đông					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14138009	Hoàng Văn Anh	Dức					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14138048	Nguyễn Hữu	Hải					7	7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14138051	Lê Văn	Hiền					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14138011	Nguyễn Chánh	Hoàng					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14138056	Võ Thành	Hưng					9	9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14138014	Trần Quang	Khải					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14138061	Nguyễn Đỗ Hùng	Lâm							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	14138017	Trần Đức	Lâm					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	14138018	Nguyễn Hoàng	Long					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	14138068	Võ Lê Hoài	Nam					8	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: **ĐA lập trình điều khiển MT (207532) - 01**

CBGD: Cao Đức Lợi (1031)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
37	14138100	Nguyễn Văn Tỉnh	DH14TD					7	7	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	14138034	Nguyễn Minh Trí	DH14TD					7,5	7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	14138106	Nguyễn Trọng Trí	DH14TD					7,5	7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	14138109	Nguyễn Thái Trường	DH14TD					7,5	7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	14138113	Trịnh Châu Từ	DH14TD					7,5	7,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 3

Hiện diện: 18

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhân của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cần hỗ trợ chăm thi 2

Hà
Cao Đức Lợi

Le Sam van

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kiến tập cơ sở 1 (207632) - 01

CBGD: Nguyễn Lê Tường (702)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tủ điểm lẻ
1	16153002	Vũ Phan Anh	DH16CD						9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	16153001	Phạm Hoàn Ân	DH16CD						9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	16153004	Dư Tiến Công	DH16CD						9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	16153005	Vô Thái Công	DH16CD						9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	16153008	Nguyễn Thanh Danh	DH16CD						9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	16153016	Đặng Quốc Duy	DH16CD						8	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
7	16153017	Đoàn Văn Duy	DH16CD						9,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④●⑥⑦⑧⑨
8	16153014	Lê Văn Dyer	DH16CD						9,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④●⑥⑦⑧⑨
9	16153020	Lê Kim Hải	DH16CD						9,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④●⑥⑦⑧⑨
10	16153021	Nguyễn Nhật Hải	DH16CD						0	●●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
11	16153025	Lê Hoà Hiệp	DH16CD						9,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④●⑥⑦⑧⑨
12	16153026	Cao Đình Hiền	DH16CD						9,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④●⑥⑦⑧⑨
13	16153027	Hàn Tấn Hiền	DH16CD						8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④●⑥⑦⑧⑨
14	16153034	Nguyễn Mạnh Hùng	DH16CD						8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④●⑥⑦⑧⑨
15	16153037	Trần Đức Huy	DH16CD						8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④●⑥⑦⑧⑨
16	16153039	Đặng Huỳnh	DH16CD						8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④●⑥⑦⑧⑨
17	16153041	Phạm Quốc Khải	DH16CD						8,5	○●①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④●⑥⑦⑧⑨
18	16153048	Huỳnh Phúc Linh	DH16CD						9	○●①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kiến tập cơ sở I (207632) - 01

CBGD: Nguyễn Lê Tường (702)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	16153052	Nguyễn Thanh Luận	DH16CD						9	○○○12345678●○○	●123456789
20	16153054	Nguyễn Thanh Anh Mạnh	DH16CD						9	○○○12345678●○○	●123456789
21	16153056	Đặng Toàn Mỹ	DH16CD						9	○○○12345678●○○	●123456789
22	16153060	Lê Nguyễn Ngọc	DH16CD						9	○○○12345678●○○	●123456789
23	15153046	Phạm Huỳnh Pháp	DH15CD						9	○○○12345678●○○	●123456789
24	16153063	Nguyễn Hoài Phong	DH16CD						9	○○○12345678●○○	●123456789
25	16153067	Hoàng Lê Minh Quân	DH16CD						9	○○○12345678●○○	●123456789
26	16153068	Lê Quốc Qui	DH16CD						9	○○○12345678●○○	●123456789
27	16153072	Đỗ Tam Tài	DH16CD						9	○○○12345678●○○	●123456789
28	16153076	Nguyễn Quốc Tâm	DH16CD						9	○○○12345678●○○	●123456789
29	16153080	Phạm Đình Thái	DH16CD						7,5	○○○123456●89○○	●1234●6789
30	16153082	Tô Thanh	DH16CD						7,5	○○○123456●89○○	●1234●6789
31	16153083	Võ Trí Thanh	DH16CD						7,5	○○○123456●89○○	●1234●6789
32	16153085	Huỳnh Công Thành	DH16CD						7,5	○○○123456●89○○	●1234●6789
33	16153081	Lê Văn Thắng	DH16CD						7,5	○○○123456●89○○	●1234●6789
34	16153087	Nguyễn Ngọc Thiệu	DH16CD						8	○○○1234567●9○○	●123456789
35	16153091	Phạm Thị Cát Tiên	DH16CD						8	○○○1234567●9○○	●123456789
36	16153093	Nguyễn Lê Tinh	DH16CD						8	○○○1234567●9○○	●123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 2 - Năm học 2016 - 2017

Môn học - Nhóm: Kiến tập cơ sở 1 (207632) - 01

CBGD: Nguyễn Lê Tường (702)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	16153094	Nguyễn Vũ Tịnh	DH16CD						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
38	16153096	Huỳnh Văn Trọng	DH16CD						8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
39	16153100	Lê Anh Tuấn	DH16CD						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
40	16153102	Nguyễn Minh Tuấn	DH16CD						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	16153104	Trần Xuân Viễn	DH16CD						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	16153106	Nguyễn Hồng Việt	DH16CD							0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	16153107	Lâm Văn Vinh	DH16CD						9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	16153108	Huỳnh Tấn Vũ	DH16CD						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	16153109	Lê Văn Vũ	DH16CD						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	16153110	Nguyễn Đình Tuấn	DH16CD						7,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cận hồ coi thi I

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi:

Cần hỗ trợ chăm thi 2

kel
dang-kau dang

Nguyễn Lê Tường